

Số: 5104 /STC-TCHCSN

Hải Phòng, ngày 15 tháng 12 năm 2022

V/v hướng dẫn thực hiện NQ
05/2022/NQ-HĐND về mức thu nhập
tăng thêm

Kính gửi:

- Văn phòng Thành ủy;
- Sở, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập;
- Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam thành phố;
- Ủy ban nhân dân quận, huyện;
- Các Hội đặc thù.

Căn cứ Nghị quyết số 35/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Thông tư số 04/2019/TT-BNV ngày 24/5/2019 của Bộ Nội vụ Hướng dẫn thực hiện mức lương cơ sở đối với các đối tượng hưởng lương, phụ cấp trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và hội;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan, chính quyền, Đảng, đoàn thể do thành phố quản lý,

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Văn bản số 5147/UBND-KSTTHC ngày 21/9/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc triển khai thực hiện Nghị quyết về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức, Sở Tài chính hướng dẫn một số nội dung triển khai thực hiện Nghị quyết 05/2022/NQ-HĐND như sau:

1. Về mức lương và thời gian tính hưởng để tính chi trả thu nhập bình quân tăng thêm.

1.1. Mức chi trả thu nhập bình quân tăng thêm = Mức lương theo ngạch bậc, phụ cấp chức vụ x hệ số điều chỉnh thu nhập bình quân tăng thêm x số tháng tính hưởng trong năm.

Trong đó:

- Mức lương theo ngạch bậc, phụ cấp chức vụ là hệ số lương theo ngạch bậc, phụ cấp chức vụ nhân với mức lương cơ sở (trước đây gọi là mức lương tối thiểu).

- Hệ số lương ngạch bậc, phụ cấp chức vụ để tính mức chi trả thu nhập bình quân tăng thêm: là **hệ số lương theo ngạch bậc, phụ cấp chức vụ bình quân theo năm hoặc số tháng được hưởng** của năm đánh giá, xếp loại chất lượng của cán bộ, công chức, viên chức.

- Hệ số điều chỉnh thu nhập bình quân tăng thêm: quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố.

- Số tháng tính hưởng trong năm: là thời gian được đánh giá hiệu quả công việc căn cứ theo kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền theo quy định.

1.2. Thời gian tính hưởng tối đa 12 tháng/năm.

1.3. Năm 2022: thời gian tính hưởng tối đa là 5 tháng (từ ngày 01/8/2022 thời điểm Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố có hiệu lực).

2. Cách thức chi trả.

- Thu nhập bình quân tăng thêm của cán bộ, công chức, viên chức của năm ngân sách hiện hành được các cơ quan, đơn vị và địa phương chi trả một lần vào trước ngày 15/01 của năm ngân sách liền kề (bao gồm cả đối tượng thuộc diện Thành ủy quản lý).

- Đối với viên chức thuộc khối giáo dục và Đào tạo: kết quả đánh giá xếp loại chất lượng viên chức vào tháng 6 hàng năm, do vậy sẽ thực hiện chi trả thu nhập tăng thêm vào trước ngày 25 tháng 7 của năm có kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức (thời gian hưởng tối đa là 06 tháng; 06 tháng còn lại sẽ được tính hưởng vào năm ngân sách liền kề). Riêng năm 2022 sẽ thực hiện chi trả vào trước ngày 25/07/2023 và được tính hưởng tối đa 5 tháng.

3. Nguồn kinh phí chi trả.

3.1. Nguồn kinh phí chi trả mức chi thu nhập bình quân tăng thêm của cán bộ, công chức, viên chức được chi trả từ nguồn cải cách tiền lương còn dư của ngân sách thành phố, nguồn cải cách tiền lương còn dư của quận, huyện và nguồn cải cách tiền lương còn dư của các đơn vị.

3.2. Trường hợp nguồn cải cách tiền lương tại quận, huyện và các đơn vị đã hết hoặc thiếu nguồn, đề xuất bổ sung từ nguồn cải cách tiền lương của thành phố.

4. Thời hạn gửi biểu tổng hợp kinh phí chi trả thu nhập bình quân tăng thêm của cán bộ, công chức, viên chức.

4.1. Đối với các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể và đơn vị sự nghiệp công lập (không bao gồm các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc khối giáo dục và đào tạo):

- Đối với các cơ quan, đơn vị khối thành phố: chậm nhất là ngày 25 tháng 12 của năm ngân sách hiện hành các cơ quan, đơn vị gửi biểu tổng hợp kinh phí chi trả thu nhập bình quân tăng thêm của cán bộ, công chức, viên chức bao gồm cả dự kiến kinh phí chi trả thu nhập bình quân tăng thêm của các đối tượng thuộc diện Thành ủy quản lý (theo mẫu biểu số 01 và số 02 đính kèm) về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố phân bổ kinh phí theo quy định.

- Đối với Ủy ban nhân dân quận, huyện: tổng hợp kinh phí chi trả thu nhập bình quân tăng thêm của cán bộ, công chức, viên chức bao gồm cả dự kiến kinh phí chi trả thu nhập bình quân tăng thêm của các đối tượng thuộc diện Thành ủy quản lý (theo mẫu biểu số 03 và 04 đính kèm) gửi về Sở Tài chính chậm nhất vào ngày 25 tháng 12 của năm ngân sách hiện hành để tổng hợp chung, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định phê duyệt kinh phí theo quy định.

- Sau ngày 25 tháng 12 của năm ngân sách hiện hành, các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân các quận, huyện không gửi biểu tổng hợp kinh phí chi trả mức thu nhập bình quân tăng thêm của cán bộ, công chức, viên chức về Sở Tài chính thì không thực hiện việc chi trả thu nhập bình quân tăng thêm của cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị quyết 05/2022/NQ-HĐND.

4.2. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc khối giáo dục và đào tạo:

- Đối với đơn vị sự nghiệp khối thành phố: chậm nhất ngày 10 tháng 7 của năm có kết quả đánh giá xếp loại viên chức, các cơ quan, đơn vị gửi biểu tổng hợp kinh phí chi trả thu nhập bình quân tăng thêm của viên chức (mẫu 01 và mẫu 02) về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố phân bổ kinh phí theo quy định.

- Đối với đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện: chậm nhất ngày 10 tháng 7 của năm có kết quả đánh giá xếp loại viên chức gửi biểu tổng hợp kinh phí chi trả thu nhập bình quân tăng thêm của viên chức (mẫu 03 và mẫu 04) về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố phân bổ kinh phí theo quy định.

- Sau ngày 10 tháng 7 của năm, các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân các quận, huyện không gửi biểu tổng hợp kinh phí chi trả mức thu nhập bình quân tăng thêm của cán bộ, công chức, viên chức về Sở Tài chính thì không thực hiện việc chi trả thu nhập bình quân tăng thêm của cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị quyết 05/2022/NQ-HĐND.

5. Quyết toán kinh phí chi trả mức thu nhập bình quân tăng thêm của cán bộ, công chức, viên chức.

Định kỳ vào ngày 31 tháng 3 năm ngân sách liền kề các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân các quận, huyện gửi báo cáo quyết toán kinh phí chi trả mức thu nhập bình quân tăng thêm của cán bộ, công chức, viên chức về Sở Tài chính để tổng hợp chung báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Tài chính theo quy định.

Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc đề nghị phản ánh về Sở Tài chính để kịp thời tháo gỡ.

Sở Tài chính gửi các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân các quận, huyện phối hợp thực hiện./.

(Kèm theo mẫu biểu tổng hợp kinh phí chi trả thu nhập bình quân tăng thêm của cán bộ, công chức, viên chức).

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD, các PGD;
- Phòng QLNS;
- Phòng TCDN;
- Phòng QL nợ-NTNS;
- Phòng Thanh tra;
- Lưu: VT, TCHCSN.



Lương Văn Công



TỔNG HỢP KINH PHÍ CHI TRẢ MỨC THU NHẬP BÌNH QUÁN TĂNG THÊM CHO CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC NĂM.....

Đơn vị: Số, ngành, đơn vị,

ĐVT: đồng

TT	Nội dung	Hệ số điều chỉnh TNBQ tăng thêm	Số người	Hệ số lương bình quân theo ngạch, bậc, chức vụ			Số tháng hưởng	Tổng kinh phí được hưởng			Ghi chú
				Hệ số lương bình quân theo ngạch bậc	Hệ số chức vụ bình quân	Tổng hệ số		Tổng kinh phí		Trong đó	
A	B	1	2	3	4	5=3+4	6	7=1*5*6* 1.490.000	8	9=7-8	10
I Nhóm 1											
1	Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên Nguyễn Văn A										
2	Hoàn thành nhiệm vụ Nguyễn Văn B										
II Nhóm 2											
1	Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên Nguyễn Văn C										

2	Hoàn thành nhiệm vụ Nguyễn Văn D										

	Cộng (I+II)										

Ghi chú: dùng chung cho các Sở, ngành, đơn vị

Năm 2022: số tháng hưởng tối đa là 5 tháng

Từ năm 2023 trở đi: số tháng hưởng tối đa là 12 tháng

Người lập biểu

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị

**TỔNG HỢP KINH PHÍ CHI TRẢ MỨC THU NHẬP BÌNH QUAN TĂNG THÊM
CHO CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC NĂM....**

Đơn vị: Số, ngành,

DVT: đồng

TT	Nội dung	Hệ số điều chỉnh TNBQ tăng thêm	Số người	Hệ số lương bình quân theo ngạch, bậc, chức vụ			Số tháng hưởng	Tổng kinh phí được hưởng			Ghi chú
				Hệ số lương bình quân theo ngạch bậc	Hệ số chức vụ bình quân	Tổng hệ số		Tổng kinh phí	Trong đó		
A	B	1	2	3	4	5=3+4	6	7=1*5*6* 1.490.000	8	9=7-8	10
1	Nhóm 1										
a	Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên										
	Đơn vị A										
	Đơn vị B										
b	Hoàn thành nhiệm vụ										
	Đơn vị C										
	Đơn vị B										
2	Nhóm 2										
a	Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên										
	Đơn vị E										
	Đơn vị F										
b	Hoàn thành nhiệm vụ										
	Đơn vị G										
	Đơn vị H										
	Cộng (I+II)										

Ghi chú: dùng cho các Sở, ngành có đơn vị trực thuộc tổng hợp

Năm 2022: số tháng hưởng tối đa là 5 tháng

Từ năm 2023 trở đi: số tháng hưởng tối đa là 12 tháng

Người lập biểu

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị

(kí tên, đóng dấu)

TỔNG HỢP KINH PHÍ CHI TRẢ MỨC THU NHẬP BÌNH QUAN TĂNG THÊM CHO CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC NĂM....

DVT: đồng

TT	Nội dung	Số người	Hệ số điều chỉnh TNBQ tăng thêm	Tổng kinh phí thực hiện	Tổng kinh phí được hưởng						Ghi chú
					Tổng kinh phí thực hiện		Trong đó		Nguồn còn thiếu so với nhu cầu		
A	B	C	1	2	3	4	5	6		7=3-4-5-6	8
Tổng cộng (A+B)											
A Nhóm 1											
1	Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên										
	Cơ quan, đơn vị, xã, phường,,,										
	...										
2	Hoàn thành nhiệm vụ										
	Cơ quan, đơn vị, xã, phường,,,										
	...										
B Nhóm 2											
1	Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên										
	Cơ quan, đơn vị, xã, phường,,,										
	...										
2	Hoàn thành nhiệm vụ										
	Cơ quan, đơn vị, xã, phường,,,										
	...										
Cộng (I+II)											

Kèm theo chi tiết mẫu 04 đối với từng cơ quan, đơn vị, xã, phường

Người lập biểu

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị
 Chủ tịch UBND xã, phường
 (Ký tên, đóng dấu)

**TỔNG HỢP KINH PHÍ CHI TRẢ MỨC THU NHẬP BÌNH QUAN TĂNG THÊM
CHO CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC NĂM**

ĐVT: đồng

TT	Nội dung	Chức vụ	Tổng hệ số lương ngạch, bậc, chức vụ	Trong đó			Hệ số điều chỉnh TNBQ tăng thêm	Số tháng hưởng	Tổng kinh phí được hưởng				Nguồn còn thiếu so với nhu cầu	Ghi chú
				Hệ số lương bình quân theo ngạch bậc	Hệ số chức vụ bình quân				Tổng kinh phí thực hiện	Nguồn CCTL quận, huyện...	Trong đó	Nguồn CCTL tại đơn vị		
A	B	C	1=2+3	2	3	4	5	6=1*4*5*	7	8	9	10=6-7-8-9	11	
Tổng cộng (A+B)														
Nhóm 1														
1	Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên													
	Cơ quan, đơn vị, xã, phường													
	Cơ quan, đơn vị, xã, phường													
2	Hoàn thành nhiệm vụ													
	Cơ quan, đơn vị, xã, phường													
	Cơ quan, đơn vị, xã, phường													
1	Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên													
	Cơ quan, đơn vị, xã, phường													
	Cơ quan, đơn vị, xã, phường													
2	Hoàn thành nhiệm vụ													
	Cơ quan, đơn vị, xã, phường													
	Cơ quan, đơn vị, xã, phường													
Cộng (I+II)														

Ghi chú

Năm 2022: số tháng hưởng tối đa là 5 tháng

Từ năm 2023 trở đi: số tháng hưởng tối đa là 12 tháng

Người lập biểu

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị

Chủ tịch UBND xã, phường

(Ký tên, đóng dấu)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05 /2022/NQ-HĐND

Hải Phòng, ngày 20 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể do thành phố quản lý

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 6

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng;

Xét Tờ trình số 113/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể do thành phố quản lý;



Báo cáo thẩm tra số 09/BC-BPC ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể và những người được cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng là công chức, viên chức hiện đang làm việc tại các Hội đặc thù, do thành phố quản lý và giao biên chế được cơ quan có thẩm quyền đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

2. Đối tượng áp dụng

a) Nhóm 1: Cán bộ, công chức làm việc trong các cơ quan thuộc khối chính quyền, Đảng, đoàn thể (bao gồm cả cán bộ, công chức cấp xã) và những người được cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng là công chức hiện đang làm việc tại các Hội đặc thù, do thành phố quản lý và giao biên chế.

b) Nhóm 2: Viên chức làm việc trong các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ một phần chi thường xuyên thuộc khối chính quyền, Đảng, đoàn thể và những người được cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng là viên chức hiện đang làm việc tại các Hội đặc thù, do thành phố quản lý và giao biên chế.

(Sau đây gọi chung là cán bộ, công chức, viên chức)

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Thu nhập bình quân tăng thêm được thực hiện trên cơ sở hiệu quả công việc của cán bộ, công chức, viên chức tại cơ quan, đơn vị, địa phương. Việc đánh giá hiệu quả công việc căn cứ theo kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền theo quy định.

2. Việc chi trả thu nhập bình quân tăng thêm của năm nào thì căn cứ vào kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức của năm đó và được chi trả vào năm sau liền kề.



3. Căn cứ nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương của thành phố từng năm trong giai đoạn 2022 - 2026 và tình hình thực tế khi triển khai thực hiện cải cách chính sách tiền lương quốc gia theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018, mức chi thu nhập bình quân tăng thêm, các nhóm đối tượng áp dụng và các nội dung liên quan khác có thể xem xét điều chỉnh.

Điều 3. Mức chi trả thu nhập bình quân tăng thêm

Hệ số điều chỉnh thu nhập bình quân tăng thêm được tính theo lần mức lương ngạch bậc, chức vụ hoặc mức lương theo vị trí việc làm, chức danh, chức vụ lãnh đạo, thực hiện theo lộ trình như sau:

Năm	Hệ số điều chỉnh thu nhập bình quân tăng thêm			
	Nhóm 1		Nhóm 2	
	<i>Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên</i>	<i>Hoàn thành nhiệm vụ</i>	<i>Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên</i>	<i>Hoàn thành nhiệm vụ</i>
2022	0,6	0,4	0,4	0,2
2023	0,7	0,5	0,5	0,3
Từ 2024 đến 2026	0,8	0,6	0,6	0,4

Điều 4. Kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện chi trả thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức là nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương còn dư, bao gồm:

1. Nguồn kinh phí cải cách tiền lương còn dư của ngân sách thành phố.
2. Nguồn kinh phí cải cách tiền lương còn dư của ngân sách cấp dưới.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa XVI, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2022 và được thực hiện trong 05 năm./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ QH, Chính phủ;
- Các VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Vụ Pháp chế (Ban Tổ chức TU);
- Vụ Pháp chế (Bộ Nội vụ);
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TT Thành ủy; TT HĐND, UBND TP;
- Đoàn ĐBQH HP;
- UBMTTQ VN TP;
- Các Ban HĐND TP;
- Đại biểu HĐNDTP khóa XVI;
- Các VP: TU, ĐDBQH và HĐND, UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- Các quận ủy, huyện ủy;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện;
- Công TTĐT TP, Công báo HP;
- Báo Hải Phòng, Đài PT và TH TP;
- CV VP ĐDBQH và HĐND TP;
- Lưu: VT, HSKH



Phạm Văn Lập

